TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 17/2023/DSST

Ngày 17/4/2023

V/v " Tranh chấp Văn bản phân chia di sản thừa kế, tặng cho QSDĐ và tài sản gắn liền với đất".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Quang Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Sửu; 2. Ông Trần Văn Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2022/TLST-DS ngày 18/10/2022, về việc "Tranh chấp Văn bản phân chia di sản thừa kế, tặng cho QSDĐ và tài sản gắn liền với đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34 ngày 08/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 46 ngày 27/3/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07 ngày 14/4/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1933; nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện của cụ Nguyễn Thị Nh: Ông Phạm Mạnh H, theo giấy ủy quyền ngày 28/10/2022 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Mạnh H, sinh năm 1957; nơi cư trú: Số nhà 86, đường Nguyễn Phi Kh, phường T, thành phố Lạng Sơn (có mặt).

2. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

3. Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

4. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

5. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn L, xã Ngọc L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

6. Ông Phạm Văn S, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

7. Bà Dương Thị Th. sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

8. Ủy ban nhân dân xã S, ông Dương Văn M - Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật; trụ sở: Xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 22/9/2022, đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 17/10/2022, nguyên đơn cụ Nguyễn Thị Nh trình bầy:*** Từ năm 1978, vợ chồng cụ Nguyễn Thị Nh, cụ Phạm Văn Ph được nhà nước giao cho sử dụng thửa đất, tại thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang, để làm nhà cùng các con ở. Năm 1995, cụ Ph chết (không để lại di chúc), sau khi cụ Ph chết, cụ Nh là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Năm 2003, hộ cụ Nh được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 466, tờ bản đồ số 17, diện tích 590 m2 (đất ở 360m2, đất vườn 230m2). Tại thời điểm cấp giấy đất, hộ cụ Nh gồm có, cụ Nh, ông L, bà Th (vợ ông L). Năm 2018, ông H con trai thứ 4 cụ Nh ly hôn vợ về không có nhà ở, nên cụ Nh và các con thống nhất bằng miệng, chia cho ông L con trai út cụ Nh 1/2 thửa đất phần có nhà của cụ Nh, còn lại 1/2 thửa đất cụ giữ lại để làm nhà cho ông H ở và làm nơi thờ cúng tổ tiên sau này. Ngày 10/10/2019, ông L bảo cụ Nh lên UBND xã S để làm văn bản tặng cho đất, tại UBND xã ông H là cán bộ Tư pháp xã tiếp nhận hồ sơ và bảo cụ Nh ký tên, điểm chỉ vào văn bản, do tin tưởng nên cụ ký tên, điểm chỉ, cụ không biết nội dung văn bản như thế nào.Tháng 4/2022, cụ Nh thấy mình đã già, nên giao trách nhiệm cúng dỗ tổ tiên cho các con, lúc này mọi người hỏi ông L về giấy đất của cụ Nh, thì ông L trả lời quanh co, nên các con đưa cụ lên UBND xã S hỏi về giấy đất thì ông H không trả lời, sau đó cụ tiếp tục lên Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện T hỏi và xin sao hồ sơ đất, thì được biết, ông L không làm thủ tục tách đất như gia đình thống nhất, mà ông L làm thủ tục chuyển toàn bộ thửa đất của cụ Nh sang tên ông L. Cụ thấy, Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/10/2019, chứng thực tại UBND xã S ngày 10/10/2019, không đúng thỏa thuận của gia đình cụ. Do đó, cụ Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy bỏ Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 10/10/2019, chứng thực tại UBND xã S ngày 10/10/2019.

2. Xác định thửa đất số 273, diện tích 665,2 m2 là tài sản chung của cụ Ph và cụ Nh, giao cho cụ Nh được nhận 1/2 diện tích đất, còn lại 1/2 diện tích đất là di sản của cụ Ph, để chia cho các đồng thừa kế của cụ Phúc theo pháp luật.

Ngày 28/10/2022, cụ Nh có văn bản ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng tại Tòa án huyện T.

**** Tại bản khai ngày 15/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Mạnh H là đại diện theo ủy quyền của cụ Nh, trình bầy:*** Bố mẹ ông là cụ Phạm Văn Ph, sinh năm 1934, cụ Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1933. Hai cụ sinh được 07 người con gồm: Ông Phạm Mạnh H, sinh năm 1957; bà Phạm Thị H, sinh năm 1960; ông Phạm Thanh H, sinh năm 1960; ông Phạm Văn H, sinh năm 1963; bà Phạm Thị D, sinh năm 1966; ông Phạm Văn S, sinh năm 1970; ông Phạm Văn L, sinh năm 1972 (không có con riêng, con nuôi nào khác). Năm 1978, cụ Ph, cụ Nh ở tại thửa đất tại thôn K, xã S, huyện T. Nguồn gốc đất do nhà nước giao theo chính sách dồn khu dân cư nhỏ lẻ về khu dân cư tập trung. Năm 1981, hai cụ làm nhà cấp 4 cùng các con ở. Năm 1995, cụ Ph chết (không để lại di chúc), sau khi cụ Ph chết, cụ Nh là người trực tiếp quản lý, sử dụng nhà đất này. Năm 2003, hộ cụ Nh được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 466, tờ bản đồ số 17, diện tích 590 m2 (đất ở 360m2, đất vườn 230m2). Năm 2018, ông H ly hôn vợ về không có nhà ở, nên cụ Nh cùng các con thống nhất (bằng miệng) chia cho ông L 1/2 thửa đất phần có nhà của cụ Nh, còn lại 1/2 thửa đất cụ Nh để lại và cùng các con góp tiền làm nhà mái tôn cho ông H ở và làm nơi thờ cúng tổ tiên. Ngày 10/10/2019, ông L thông báo cho cụ Nh cùng các anh, em trong gia đình đến UBND xã S để chứng thực Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/10/2019, chứng thực tại UBND xã S ngày 10/10/2019. Tuy nhiên, do chủ quan tin tưởng ông L đã làm văn bản theo đúng thỏa thuận của gia đình phân chia đất, nên mọi người ký tên, điểm chỉ vào văn bản, mà không đọc nội dung. Tháng 4/2022, cụ Nh thấy mình đã già yếu, nên đã giao trách nhiệm cúng dỗ tổ tiên cho các con, lúc này mọi người mới hỏi ông L về giấy đất của cụ Nh, thì ông L trả lời quanh co, không rõ ràng, nên ông H, ông S đưa cụ Nh lên UBND xã S hỏi thông tin về đất, nhưng không được UBND xã S cung cấp thông tin, cụ Nh tiếp tục lên Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện T hỏi và xin sao hồ sơ đất thì mới biết: Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/10/2019, chứng thực 10/10/2019 tại UBND xã S, thể hiện nội dung tặng cho toàn bộ thửa đất số 466, tờ bản đồ số 17, diện tích 590 m2 cấp cho hộ cụ Nh và tài sản gắn liền với đất cho ông L. Ngày 21/01/2020, ông L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 273, tờ bản đồ số 35, diện tích 665,2 m2

(đất ở nông thôn 360m2, đất trồng cây lâu năm 205,2m2). Sau khi biết sự việc, cụ Nh cùng các anh em trong gia đình đã yêu cầu ông L phải làm thủ tục trả lại cho cụ Nh 1/2 diện tích đất như đã thống nhất, nhưng ông L không đồng ý. Do đó, ngày 22/9/2022 cụ Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Hủy Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 10/10/2019, chứng thực ngày 10/10/2019 tại UBND xã S.

2. Xác định thửa đất số 273, tờ bản đồ số 35, diện tích 565,2 m2, là tài sản chung của cụ Ph và cụ Nh, giao cho cụ Nh được nhận 1/2 diện tích đất, còn lại 1/2 diện tích đất là di sản của cụ Ph, để chia cho các đồng thừa kế theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/4/2023, ông H có đơn rút yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị Nh về việc yêu cầu Tòa án: Xác định thửa đất số 273, tờ bản đồ số 35, diện tích 565,2 m2 là tài sản chung của cụ Ph và cụ Nh, giao cho cụ Nh được nhận 1/2 diện tích đất, còn lại 1/2 diện tích đất là di sản của cụ Ph, để chia cho các đồng thừa kế theo pháp luật và ông H sửa đổi yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị Nh yêu cầu Tòa án: Hủy bỏ Văn bản phân chia di sản thừa kế ….., thành yêu cầu Tòa án: Tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 10/10/2019, chứng thực tại UBND xã S ngày 10/10/2019 vô hiệu toàn bộ và yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Văn bản vô hiệu là ông L phải làm thủ tục chuyển toàn bộ diện tích đất về tên hộ cụ Nh.

**** Tại bản khai ngày 07/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn L trình bầy:*** Từ năm 1978, bố mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Nh, cụ Phạm Văn Ph được nhà nước giao cho sử dụng thửa đất tại thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang, để làm nhà cùng các con ở. Năm 1995, cụ Ph chết (không để lại di chúc), sau khi cụ Ph chết, cụ Nh là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Năm 2003, ông kết hôn với bà Dương Thị Th, sau khi kết hôn vợ chồng ông ở cùng cụ Nh và năm 2003 hộ cụ Nh được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thửa số 466, tờ bản đồ 17, diện tích 590 m2 (đất ở 360m2, đất vườn 230m2). Tại thời điểm cấp Giấy đất thì sổ hộ khẩu của gia đình ông gồm có cụ Nh và vợ chồng ông. Năm 2018, ông H ly hôn vợ nên về không có nhà ở, nên cụ Nh nói với vợ chồng ông, cụ Nh cho ông H mượn một phần diện tích đất để làm nhà ở tạm, sau này ông H chết thì đất vẫn của ông không ai tranh, nên vợ chồng ông đồng ý. Sau đó, anh em trong gia đình cùng góp tiền, góp sức làm cho ông H căn nhà lợp tôn khoảng 50 m2 để ông H ở như hiện nay, cũng trong thời gian này cụ Nh cùng anh em trong gia đình thống nhất tặng cho ông toàn bộ thửa đất cấp cho hộ cụ Nh năm 2003 và tài sản gắn liền với đất cho ông L. Ngày 10/10/2019, cụ Nh cùng các anh em trong gia đình đến UBND xã S để chứng thực Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền

sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/10/2019, chứng thực tại UBND xã S ngày 10/10/2019. Khi chứng thực có mặt cụ Nh, các anh em trong gia đình, được nghe đọc toàn bộ nội dung văn bản và nhất trí ký tên, điểm chỉ vào văn bản trước mặt người chứng thực. Năm 2019, ông L làm đơn xin đăng ký biến động đất, đến ngày 21/01/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa đất số 273, tờ bản đồ số 35, diện tích 565,2 m2 (đất ở 360m2, đất trồng cây lâu năm 205,2m2), địa chỉ thôn Thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang, tên ông Phạm Văn L. Tháng 8/2020, vợ chồng ông L phá nhà cũ để xây nhà mới, khi phá nhà cũ, xây nhà mới, cụ Nh và các anh em trong gia đình đều chứng kiến và không ai có ý kiến phản đối gì. Cụ Nh ở cùng vợ chồng ông L đến tháng 3/2022, thì cụ Nh chuyển sang nhà ông H chữa bệnh, sau đó cụ Nh về nhà ông S ở cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H là người đại diện theo ủy quyền của cụ Nh rút yêu cầu của cụ Nh về việc yêu cầu Tòa án: Xác định thửa đất số 273, diện tích 665,2 m2 là tài sản chung của cụ Ph và cụ Nh, giao cho cụ Nh được nhận 1/2 diện tích đất, còn lại 1/2 diện tích đất là di sản của cụ Ph, để chia cho các đồng thừa kế theo pháp luật, thì ông đồng ý và ông đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu này của cụ Nh. Đối yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị Nh yêu cầu Tòa án: Hủy bỏ Văn bản phân chia di sản thừa kế, nay ông H sửa đổi yêu cầu Tòa án: Tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 10/10/2019, chứng thực tại UBND xã S ngày 10/10/2019 vô hiệu toàn bộ và yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Văn bản vô hiệu là ông L phải làm thủ tục chuyển toàn bộ diện tích đất về tên hộ cụ Nh, là không có căn cứ, nên ông không đồng ý, ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của cụ Nh.

**** Tại bản khai ngày 09/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Th trình bầy:*** Bà và ông L kết hôn năm 2003, sau khi kết hôn bà về ở cùng cụ Nh, vợ chồng bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cụ Nh và lo giỗ, tết và thờ cúng tổ tiên từ trước đến nay. Tháng 8/2020 được sự đồng ý của cụ Nh, vợ chồng bà đã phá nhà cũ để xây nhà mới cùng cụ Nh ở, khi xây các anh em trong gia đình đều chứng kiến và không ai có ý kiến phản đối gì. Đối với căn nhà mái tôn ông H đang ở là do các anh em trong gia đình cùng góp tiền, góp sức để làm cho ông H ở tạm, khi nào ông H chết thì trả lại đất cho ông L. Nay bà không nhất trí yêu cầu của cụ Nh về việc yêu cầu Tòa án: Tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/10/2019, chứng thực tại UBND xã S ngày 10/10/2019, vô hiệu toàn bộ và yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Văn bản vô hiệu

là ông L phải làm thủ tục chuyển toàn bộ diện tích đất về tên hộ cụ Nh, là không có căn cứ, nên bà không đồng ý, bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của cụ Nh.

**** Tại các bảnc khai ngày 23/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phạm Thanh H, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị D, ông Phạm Văn S, trình bầy:*** Các ông, bà xác nhận nội dung trình bầy trong đơn khởi kiện của cụ Nh và lời trình bầy của ông H là đại diện theo ủy quyền của cụ Nh, trong quá trình giải quyết vụ án là đúng sự thật. Nay các ông, bà đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của cụ Nh và yêu cầu của ông H về việc yêu cầu Tòa án: Tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/10/2019, chứng thực tại UBND xã S ngày 10/10/2019, vô hiệu toàn bộ và yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Văn bản vô hiệu là ông L phải làm thủ tục chuyển toàn bộ diện tích đất về tên hộ cụ Nh.

- Tại văn bản ngày 17/01/2023, Đại diện UBND xã S trình bầy: Ngày 10/10/2019, cụ Nguyễn Thị Nh cùng các con đến UBND xã S yêu cầu chứng thực Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/10/2019, để tặng cho toàn bộ phần diện tích đất cấp cho hộ cụ Nh năm 2003 và tài sản gắn liền với đất cho ông Phạm Văn L. Sau khi kiểm tra hồ sơ, thấy đủ điều kiện nên UBND xã S chứng thực số 17/2019 ngày 10/10/2019 theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm chứng thực, các ông bà có tên trong văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/10/2019, cam đoan không bỏ sót người thừa kế và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản. Tại thời điểm chứng thực những người này hoàn toàn minh mẫn, tự nguyện phân chia di sản thừa kế, được nghe đọc văn bản và nhất trí ký tên, điểm chỉ ngón trỏ bàn tay phải của mình vào văn bản. Nội dung văn bản phân chia di sản thừa kế không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/10/2019, chứng thực ngày 10/10/2019, không bị vô hiệu. Do đại diện UBND xã bận nhiều nhiệm vụ, nên không thể tham gia tố tụng tại Tòa án, vì vậy đề nghị được vắng mặt tại các buổi hòa giải, các phiên tòa ở mọi cấp xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát trình bầy quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề xuất: Áp dụng, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 157, Điều 146, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 220, Điều 221, Điều 223 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị Nh về việc yêu cầu Tòa án: Tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/10/2019, chứng thực tại UBND xã S ngày 10/10/2019 vô hiệu toàn bộ. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị Nh về việc yêu cầu Tòa án: Xác định thửa đất số 273, diện tích 665,2 m2 là tài sản chung của cụ Phạm Văn Ph và cụ Nguyễn Thị Nh; giao cho cụ Nguyễn Thị Nh được nhận 1/2 diện tích đất, còn lại 1/2 diện tích đất là di sản của cụ Phạm Văn Ph, để chia cho các đồng thừa kế theo pháp luật.

Chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn L chịu chi phí tố tụng theo quy định pháp luật

Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Nuyễn Thị Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và điều luật áp dụng: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện các đương sự trong vụ án có tranh chấp về Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/10/2019, chứng thực tại UBND xã S ngày 10/10/2019. Tòa án nhân dân huyện T thụ lý vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ngày 14/4/2023, ông Phạm Mạnh H đại diện theo ủy quyền của cụ Nh rút yêu cầu khởi kiện, xác định thửa đất số 273, diện tích 665,2 m2 là tài sản chung của cụ Phạm Văn Ph và cụ Nguyễn Thị Nh, giao cho cụ Nh được nhận 1/2 diện tích đất, còn lại 1/2 diện tích đất là di sản của cụ Ph, để chia cho các đồng thừa kế của cụ Ph theo pháp luật. Việc rút yêu cầu khởi kiện của ông H là tự nguyện, trong phạm vi khởi kiện, trong phạm vi ủy quyền, nên được chấp nhận.

[3] Về nội dung vụ án: Năm 1978, vợ chồng cụ Phạm Văn Ph, cụ Nguyễn Thị Nh được nhà nước giao cho diện tích 590 m2 đất để làm nhà ở, tại thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang theo chính sách dồn khu dân cư ở nhỏ lẻ vào khu dân cư ở tập chung. Năm 1995, cụ Ph chết (không để lại di chúc). Sau khi cụ Ph chết, cụ Nh trực tiếp quản lý, sử dụng nhà đất, đến ngày 22/10/2003 hộ cụ Nguyễn Thị Nh được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (lần đầu) thửa đất số 466, tờ bản đồ số 17, diện tích 590 m2 (đất ở 360m2, đất vườn 230m2). Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ cụ Nh gồm có cụ Nh, ông L, bà Th (vợ ông L). Ngày 10/10/2019, cụ Nh cùng các con là ông H, bà H, ông H, ông H, bà D, ông S, ông L và bà Th (vợ ông L) cùng đến UBND xã S yêu cầu chứng thực Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền

sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/10/2019 cho ông L thửa đất số 466, tờ bản đồ số 17, diện tích 590 m2 (đất ở 360m2, đất vườn 230m2). Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, thể hiện là thửa đất số 273, tờ bản đồ số 35, diện tích 565,2 m2 (đất ở 360m2, đất trồng cây lâu năm 205,2m2). UBND xã S chứng thực số: 17/2019 ngày 10/10/2019 đối với Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/10/2019. Tại thời điểm chứng thực, các ông, bà có tên nêu trên đã cam đoan không bỏ sót người thừa kế, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và ký tên, điểm chỉ ngón trỏ bàn tay phải của mình vào văn bản.

[4] Về yêu cầu khởi kiện và tính hợp pháp của văn bản: Quá trình giải quyết vụ án, ông H là người đại diện theo ủy quyền của cụ Nh yêu cầu Tòa án: Tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 10/10/2019, chứng thực tại UBND xã S ngày 10/10/2019, vô hiệu toàn bộ và yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Văn bản vô hiệu là ông Phạm Văn L phải làm thủ tục chuyển lại tòa bộ diện tích đất trở lại tên hộ cụ Nguyễn Thị Nh.

HĐXX, xét thấy: Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/10/2019, chứng thực tại UBND xã S ngày 10/10/2019, được lập thành văn bản, được chứng thực theo quy định pháp luật, chủ thể tham gia giao dịch là những người có quyền định đoạt tài sản, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao dịch xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không giả tạo, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép theo các quy định của Bộ luật dân sự. Do đó, Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/10/2019, chứng thực tại UBND xã S ngày 10/10/2019, đã đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự, nên có hiệu lực pháp luật. Mặt khác, ngày 21/01/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tên ông Phạm Văn L thửa đất số 273, tờ bản đồ số 35, diện tích 565,2 m2 (đất ở nông thôn 360m2, đất trồng cây lâu năm 205,2m2) cho ông Phạm Văn L và tháng 8/2020, vợ chồng ông L phá nhà cũ để xây nhà mới, khi đó cụ Nh ở cùng vợ chồng ông L, bà Th và các các con cụ Nh đều biết, nhưng không có ai có ý kiến phản đối gì. Quá trình giải quyết vụ án, ông H cho rằng, cán bộ Tư pháp xã xã S tiếp nhận hồ sơ của người không có tư cách pháp lý nộp và chứng thực văn bản nhưng không cam kết chịu trách nhiệm, không xác minh thực tế, là không đúng pháp luật, vì chỉ cụ Nh mới có quyền yêu cầu phân chia hoặc người được cụ Nh ủy quyền mới có quyền phân chia. Nội dung văn bản không đúng như thỏa thuận của gia đình, có những điều khoản trái pháp luật, không phản ánh đúng ý trí của những người tham gia giao dịch. Việc cụ Nh và các

con cụ Nh ký tên, điểm chỉ trong văn bản là do chủ quan tin tưởng ông L nên mới ký tên, điểm chỉ, thực chất mọi người không được nghe đọc nội dung văn bản này, là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Từ sự phân tích đánh giá trên, HĐXX xác định không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nh về việc yêu cầu Tòa án: Tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 10/10/2019, chứng thực tại UBND xã S ngày 10/10/2019, vô hiệu toàn bộ. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiên của cụ Nh, nên ông L không phải có nghĩa vụ làm thủ tục chuyển toàn bộ diện tích đất đã được tặng cho về tên hộ cụ Nh.

[5] Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Cụ Nh là người cao tuổi, nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Nh theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 157, Điều 146, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 220, Điều 221, Điều 223 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị Nh về việc yêu cầu Tòa án: Tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 10/10/2019, chứng thực tại UBND xã S ngày 10/10/2019, do cụ Nguyễn Thị Nh, ông Phạm Mạnh H, bà Phạm Thị H, ông Phạm Thanh H, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị D, ông Phạm Văn S, ông Phạm Văn L, bà Dương Thị Th (vợ ông L), tặng cho ông Phạm Văn L thửa đất số 466, tờ bản đồ số 17, diện tích 590 m2 (đất ở 360 m2, đất vườn 230 m2), theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2012,là thửa đất số 273, tờ bản đồ số 35, diện tích 565,2 m2 (đất ở nông thôn 360m2, đất trồng cây lâu năm 205, 2m2), tài sản gắn liền với đất, tại thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang vô hiệu toàn bộ.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị Nh về việc yêu cầu Tòa án: Xác định thửa đất số 273, diện tích 665,2 m2 (đất ở nông thôn 360m2, đất trồng cây lâu năm 205, 2m2) là tài sản chung của cụ Phạm Văn Ph và cụ Nguyễn Thị Nh; giao cho cụ Nguyễn Thị Nh được nhận 1/2 diện tích đất, còn lại 1/2 diện tích đất là di sản của cụ Phạm Văn Ph, để chia cho các đồng thừa kế theo pháp luật.

3. Chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn L chịu 1.200.000 đồng tiền định giá tài sản (xác nhận ông L đã nộp xong).

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Nguyễn Thị Nh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Giáp Quang Huy